

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA10**

Mã chứng khoán: **L10**

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Lilama 10. P.Tổ Hữu, P.Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 38649584 Fax: 04 38649581

Người thực hiện công bố thông tin: **Trịnh Ngọc Tuấn Hùng**

Địa chỉ: Tòa nhà Lilama 10. P.Tổ Hữu, P.Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04 3 8649586 Fax: 04 38649581

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

**1-Nội dung: Công bố thông tin bổ sung Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018 trình bày lại do kiểm toán nhà nước có điều chỉnh một số chỉ tiêu liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018.**

Ngày 24/12/2019, Công ty cổ phần Lilama10 đã nhận được Thông báo số 1090/TB-KTNN ngày 20/12/2019 của Kiểm toán nhà nước về “Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 tại Công ty cổ phần Lilama 10”. Do Kiểm toán nhà nước chỉ điều chỉnh một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 nên Công ty cổ phần Lilama 10 phải trình bày lại toàn bộ số liệu Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2018 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 đã được công ty công bố thông tin.

Tuy nhiên, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018 được lập theo phương pháp gián tiếp và kiểm toán nhà nước đã điều chỉnh một số chỉ tiêu liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 nên Công ty cổ phần Lilama 10 tự lập và trình bày lại theo Phụ lục đính kèm.

- *Nguyên nhân chênh lệch:*

Đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Lợi nhuận trước thuế; Tăng, giảm các khoản phải thu; Tăng, giảm hàng tồn kho và Tăng, giảm các khoản phải trả.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 06/01/2020 tại địa chỉ website: [www.lilama10.com.vn](http://www.lilama10.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Phụ lục

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Trinh Ngọc Tuấn Hùng*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Theo phương pháp gián tiếp (Lập lại sau KTTN)*  
 Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số Kiểm toán độc lập đã công bố (31/12/2018)	Số kiểm toán Nhà nước đã điều chỉnh (31/12/2018)	Chênh lệch
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.332.847.173	22.777.993.033	2.445.145.860
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	37.089.555.350	37.089.555.350	
- Các khoản dự phòng	03	2.311.281.197	2.311.281.197	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(660.246.102)	(660.246.102)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.042.406.047)	(1.042.406.047)	
- Chi phí lãi vay	06	16.344.513.403	16.344.513.403	
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>74.375.544.974</b>	<b>76.820.690.834</b>	<b>2.445.145.860</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	33.198.023.017	31.388.620.796	(1.809.402.221)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(138.130.413.599)	(116.255.166.531)	21.875.247.068
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	145.383.539.333	122.872.548.626	(22.510.990.707)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.968.476.346	10.968.476.346	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14	(16.396.870.964)	(16.396.870.964)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.253.502.363)	(6.253.502.363)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.046.374.000)	(3.046.374.000)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>100.098.422.744</b>	<b>100.098.422.744</b>	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.223.000.000)	(1.223.000.000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	922.727.273	922.727.273	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			

Chỉ tiêu	Mã số	Số Kiểm toán độc lập đã công bố (31/12/2018)	Số kiểm toán Nhà nước đã điều chỉnh (31/12/2018)	Chênh lệch
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	119.678.774	119.678.774	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(180.593.953)	(180.593.953)	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	603.315.744.218	603.315.744.218	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(665.379.903.762)	(665.379.903.762)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4.500.605.181)	(4.500.605.181)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.779.484.520)	(9.779.484.520)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(76.344.249.245)	(76.344.249.245)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	23.573.579.546	23.573.579.546	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	74.992.821.022	74.992.821.022	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	660.246.102	660.246.102	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	99.226.646.670	99.226.646.670	

